

Bản án số: 15/2024/DS - ST

Ngày: 17- 6 - 2024.

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Lĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Hữu và bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên Tòa: Ông Cao Trọng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai tham gia phiên tòa: Không

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST-DS ngày 31/05/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Văn Thị D, sinh năm 1946. Địa chỉ: Khối Q, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Đậu Thị C, sinh năm 1957 và ông Đậu Sỹ T, sinh năm 1953. Địa chỉ: Khối Y, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với nguyên đơn:

1. Anh Hồ Phi H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khối Q, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

2. Chị Hồ Thị L, sinh năm 1977. Địa chỉ: Khối Y, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

3. Chị Hồ Thị L1, sinh năm 1982 Địa chỉ: Khối Y, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H, chị L, chị L1: Bà Văn Thị D. Địa chỉ: Khối Q, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Bà D có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Văn Thị D khai:*

Bà Văn Thị D và chồng là ông Hồ Phi P (đã chết ngày 06/10/2020) có cho ông Đậu Sỹ T và bà Đậu Thị C vay tiền vào ngày 01/7/2008 (âm lịch) số tiền 21.5000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Không hẹn thời hạn trả nợ. Giấy vay tiền do bà Đậu Thị C viết và ký tên “Châu Tình”. Sau khi vay tiền ông Đậu Sỹ T và bà Đậu Thị C không trả tiền lãi và tiền gốc cho bà mà bỏ trốn vào Đ. Nay bà Văn Thị D khởi kiện yêu cầu ông Đậu Sỹ T và bà Đậu Thị C trả nợ số tiền gốc là 21.500.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/7/2008 (âm lịch) tức ngày 01/8/2008 dương lịch đến ngày 31/12/2016 với mức lãi suất 1,125%/ tháng thành tiền là 24.429.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày 17/6/2024 với mức 1,67% thành tiền là 30.160.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 76.089.000 đồng. Số tiền 21.500.000 đồng bao gồm số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc và số tiền 1.500.000 đồng tiền lãi bà C đã đồng ý cộng vào gốc.

Tại phiên tòa bà Văn Thị D thừa nhận số tiền gốc 21.500.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 01/7/2008 (âm lịch) có nguồn gốc từ số tiền gốc 20.000.000 đồng ngày 01/11/2007 ông Đậu Sỹ T và bà Đậu Thị C vay ông P và bà D. Theo đó, giấy vay tiền ngày 01/11/2007 do ông Đậu Sỹ T viết và ký tên, hai bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, không hẹn thời hạn trả nợ. Giấy vay tiền do ông Đậu Sỹ T viết và ký tên. Sau đó bà Đậu Thị C có trả cho bà D số tiền lãi là 900.000 đồng vào ngày 01/2/2008 (âm lịch) Sau đó không trả thêm được khoản tiền lãi nào. Tính đến ngày 01/7/2008 âm lịch ông T và bà C còn nợ số tiền lãi là 1.500.000 đồng nên khi chốt nợ được cộng vào số tiền gốc là 20.000.000 đồng của ngày 01/11/2007 (âm lịch). Giấy vay tiền ngày 01/11/2008 âm lịch được gạch bỏ sau khi chốt nợ ngày 01/7/2008 âm lịch.

Tại phiên tòa bà Văn Thị D yêu cầu ông Đậu Sỹ T và bà Đậu Thị C trả nợ số tiền gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày 01/8/2008 đến ngày 31/12/2016 thành tiền: 20.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 101 tháng = 22.725.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày 17/6/2024 với mức lãi suất 1,67%/tháng x 89,5 tháng là 29.893.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 72.618.000 đồng.

- Bị đơn ông Đậu Sỹ T và bà Đậu Thị C đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông T và bà C đã nhận được nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với nguyên đơn bà Văn Thị D khai: Các con của bà Văn Thị D và ông Hồ Phi P gồm có chị Hồ Thị L, anh Hồ Phi H, chị Hồ Thị L1 đã

ủy quyền cho bà D tham gia tố tụng và có toàn quyền quyết định giải quyết vụ án. Anh H, chị L, chị L1 đề nghị Tòa án buộc ông T và bà C trả nợ cho bà D như bà D yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 121, 122, 124, 471, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2014. Khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019. Nghị quyết số 326/2014/NQ-UBTVQH14. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Buộc bà Đậu Thị C, ông Đậu Sỹ T có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Văn Thị D số tiền gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 52.618.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 72.618.000 đồng.

Kể từ có đơn thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Đậu Thị C1 và ông Đậu Sỹ T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Đậu Sỹ T và bà Đậu Thị C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn ông Đậu Sỹ T và bà Đậu Thị C có nơi cư trú tại khối Y, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, căn cứ vào khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng hình sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

[2]. Về tố tụng: Ông Đậu Sỹ T và bà Đậu Thị C đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án và các tài liệu bảo sao giấy vay tiền đề ngày 01/7/2008 (âm lịch), giấy vay tiền ngày 01/11/2007 (âm lịch) do nguyên đơn cung cấp. Ông T và bà C đã nhận được. Tòa án tiến hành

làm việc trực tiếp với ông T và bà C tại nhà của ông bà nhưng ông bà cố tình lẩn tránh khi Tòa án đến làm việc. Phiên tòa lần thứ nhất, Tòa án đã tổng đạt quyết định xét xử cho bà Đậu Thị C và ông Đậu Sỹ T nhưng ông T và bà C vắng mặt do đó Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa lần 2, Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông T và bà C nhưng ông bà vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn ông Đậu Sỹ T và bà Đậu Thị C. Phiên tòa lần thứ nhất, Tòa án đã tổng đạt quyết định xét xử cho bà Đậu Thị C và ông Đậu Sỹ T nhưng ông T và bà C vắng mặt do đó Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa lần 2, Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông T và bà C nhưng ông bà vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn ông Đậu Sỹ T và bà Đậu Thị C.

[3]. Hợp đồng vay tài sản giữa bà Văn Thị D và ông Hồ Phi P với ông Đậu Sỹ T và bà Đậu Thị C các bên chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Hợp đồng vay tài sản được xác định chưa thực hiện xong. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để áp dụng pháp luật giải quyết vụ án.

[4]. Về số tiền vay nợ: Tòa án đã giao trách nhiệm cho ông T và bà C trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chữ ký trong giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp nhưng ông T và bà C không trình bày. Ông Đậu Sỹ T và bà Đậu Thị C đã từ bỏ quyền được trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy vay tiền, trả tiền do nguyên đơn cung cấp và lời khai của nguyên đơn xét thấy. Nguyên đơn bà Văn Thị D khai ngày 01/7/2008 âm lịch ông T và bà C có vay nợ ông bà số tiền 21.500.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, không hẹn thời hạn trả. Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi suất theo quy định tại điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005. Tuy nhiên, phía trên cùng trang với giấy vay tiền đề ngày 01/7/2008 âm lịch do bà D1 cung cấp thể hiện ngày 01/11/2007 ông Đậu Sỹ T vay tiền của bà D và ông P số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng tương ứng với mỗi tháng 300.000 đồng tiền lãi. Giấy vay tiền do ông Đậu Sỹ T viết và ký tên Đậu Sỹ T. Sau khi vay bà C đã trả lãi được số tiền lãi 900.000 đồng vào ngày 01/02/2008 (âm lịch). Nội dung này đã được gạch bỏ và cùng trang với nội dung ngày 01/7/2008 âm lịch bà Đậu Thị C chót nợ với ông P và bà D theo đó bà C còn nợ số tiền 21.500.000 đồng. Số tiền lãi từ ngày 01/2/2008 đến ngày 01/7/2008 với mức 1,5%/tháng trên số tiền gốc là 20.000.000 đồng thành tiền là 1.500.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định số tiền 21.500.000 đồng theo giấy vay tiền ngày

01/7/2008 âm lịch bao gồm 20.000.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi. Điều này đã được bà D2 thừa nhận tại phiên tòa. Đối với số tiền lãi 1.500.000 đồng được cộng vào tiền gốc không được tính lãi suất. Tại giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 01/11/2007 âm lịch ông Đậu Sỹ T viết và ký tên, ngày 01/7/2008 âm lịch được bà Đậu Thị C chót nợ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là khoản vay chung của ông T và bà C. Bà D yêu cầu ông T và bà C trả số tiền gốc là 20.000.000 đồng là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về lãi suất: Tại giấy vay tiền ngày 01/7/2008 âm lịch. Hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Tuy nhiên, bà D tự nguyện tính lãi suất với mức 1,125%/tháng tính từ ngày 01/7/2008 (âm lịch) tức ngày 01/8/2008 đến ngày 31/12/2016. Lãi suất với mức 1,67%/tháng từ ngày 01/01/2017 đến ngày 17/6/2024 là phù hợp với quy định tại điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Theo đó, tiền lãi suất từ ngày 01/8/2008 đến ngày 31/12/2016 là $20.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 101 \text{ tháng} = 22.725.000 \text{ đồng}$. tiền lãi suất từ ngày 01/01/2017 đến ngày 17/6/2024 là $20.000.000 \text{ đồng} \times 89,5 \text{ tháng} \times 1,67\%/\text{tháng} = 29.893.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền lãi là 52.618.000 đồng.

[6]. Về số tiền phải trả. Ông Đậu Sỹ T và bà Đậu Thị C có nghĩa vụ trả nợ cho bà Văn Thị D số tiền gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 52.618.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 72.618.000 đồng.

[7]. Về án phí: Ông Đậu Sỹ T và bà Đậu Thị C phải chịu 3.630.000 đồng.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 121, 122, 124, 471, 476, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468, 469, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Văn Thị D.

2. Buộc ông Đậu Sỹ T và bà Đậu Thị C thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Văn Thị D số tiền gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 52.618.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 72.618.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án (17/6/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông T và bà C phải chịu 3.618.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo. Bà Văn Thị D, anh Hồ Phi H, chị Hồ Thị L, chị Hồ Thị L1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đậu Thị C và ông Đậu Sỹ T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Hoàng Mai;
- Chi cục THADS thị xã Hoàng Mai;
- TAND tỉnh Nghệ An.
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Hồng Lĩnh